

Đóng góp của Phật giáo Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945-1954)

ISSN: 2734-9195 09:30 15/09/2025

Như vậy, Phật giáo ở Nam Bộ với cá nhân Tăng ni, Phật tử, với tư cách tổ chức đã tích cực tham gia Cách mạng Tháng Tám (1945) cuộc đấu tranh chống xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975).

Tác giả: **PGS.TS Nguyễn Thanh Xuân (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Khái quát về vùng đất Nam Bộ và Phật giáo ở Nam Bộ

Lịch sử khai khẩn vùng đất Nam Bộ của người Việt được hơn ba trăm năm, nhưng lịch sử vùng đất này đã có từ lâu và trải qua nhiều bước thăng trầm theo sự biến thiên của tự nhiên, xã hội và con người. Đến nay, vùng đất Nam Bộ trải qua ba giai đoạn lịch sử: Phù Nam từ đầu công nguyên đến thế kỷ VII, Chân Lạp từ thế kỷ VII đến thế kỷ XVII, Việt Nam từ thế kỷ XVII đến nay.

Công cuộc khai khẩn vùng đất Nam Bộ được mở đầu bằng những đợt di dân tự phát, không tuyên bố của người Việt từ cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII. Lúc đầu họ sống xen kẽ với người Stiêng, Mạ, Chơro, Khmer và các dân tộc thiểu số khác. Sau đó họ dần dần đi sâu vào vùng đồng bằng để khai phá những nơi còn hoang dã. Cuối thế kỷ XVII, các đoàn cư dân Trung Quốc cũng đến Nam Bộ sinh sống. Năm 1671, Mạc Cửu và đoàn tùy tùng đến lập nghiệp ở đất Hà Tiên ngày nay. Năm 1679, một số võ tướng Trung Quốc như Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên, Hoàng Tiến, Trần An Bình,... đến định cư ở Biên Hòa, Mỹ Tho ngày nay [106,tr.8]. Sau đó các lớp cư dân người Việt, người Hoa, người Chăm tiếp tục đến khai khẩn vùng đất Nam Bộ. Thế kỷ XVIII, dưới thời Chúa Nguyễn Phúc Khoát (ở ngôi 1738-1765), với sự nghiệp kinh dinh của Thượng thư Nguyễn Cư Trinh, địa giới vùng đất Nam Bộ cơ bản được xác định như hiện nay, từ vĩ tuyến 8035 đến vĩ tuyến 110. Sách Lịch sử Vùng đất Nam Bộ Việt Nam viết

rằng: “Chỉ sau hơn một thế kỷ, tính từ đầu thế kỷ XVII cho đến giữa thế kỷ XVIII, toàn bộ khu vực Nam Bộ đã thuộc quyền cai quản của Chúa Nguyễn và nhanh chóng trở thành vùng phát triển kinh tế-xã hội năng động” (2).

Thế kỷ XIX cùng với các đoàn di dân của người Việt, người Hoa, công cuộc khẩn hoang được triều đình nhà Nguyễn thúc đẩy thêm một bước quan trọng với những đóng góp lớn của Lê Văn Duyệt và Nguyễn Văn Thoại (Thoại Ngọc Hầu). Đầu thế kỷ XX, người Việt ở miền Bắc, miền Trung, người Hoa ở Phúc Kiến, Quảng Đông vào Nam Bộ làm ăn nên số dân tăng khá nhanh.

Quá trình khai khẩn vùng đất Nam Bộ của người Việt có thể nhấn mạnh ba điểm chính: Một là, người Việt mở đất vào Nam Bộ không bằng chiến tranh mà bằng con đường hũa bõnh; hai là, người Việt mở đất đến đâu đều thiết lập nền hành chính tới đủ để khẳng định chủ quyền đối với vựa đất mới mở; ba là, người Việt là chủ nhõn chõnh của việc khai mở vựa đất Nam Bộ. Chính điều này, năm 1949, khi Campuchia đòi vùng đất Nam Bộ, Chính phủ Pháp đã không đồng ý mà trao lại cho Việt Nam (3).

Nam Bộ là vùng đất mới mở sau này của đất nước nhưng điều cần quan tâm, cư dân Nam bộ cả người Việt và người Khmer, người Hoa đã đoàn kết, chung sức xây dựng cuộc sống tạo thành truyền thống của cư dân Nam bộ. Phật giáo truyền vào Nam Bộ cùng với việc mở đất của người Việt. Phật giáo gồm ở Nam bộ gồm cả hai hệ phái Bắc tông và Nam tông, trở thành chỗ dựa trong đời sống tâm linh, văn hoá và lối sống của cư dân Nam Bộ.

Ngày nay chưa thấy có tài liệu nào công bố chính thức số dân cư ở Nam Bộ, nhất là số dân cụ thể của từng dân tộc Việt, Hoa, Khmer, Chăm,... từ khi vùng đất này được khai khẩn đến thế kỷ XX. Tuy nhiên, qua một số tài liệu có thể hình dung được việc tăng dân số ở Nam Bộ như sau: năm 1819, trấn Gia Định có 97.100 xuất đinh; năm 1847 có 165.598 xuất đinh. Số dân Nam Bộ năm 1867 là 1.204.278 (trong đó kể cả 585 người Pháp), năm 1905 là 2.876.417; năm 1909 là 2.975.838; năm 1920 là 3.600.000 (4),... Và hiện nay (2019) số dân của 19 tỉnh Nam Bộ là 35,38 triệu người.

Nam Bộ là vùng đất đa dạng về tôn giáo, như: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo, Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, Tịnh độ Cư sỹ Phật hội, Bửu Sơn Kỳ hương, Tứ ân Hiếu nghĩa,... Nam Bộ cũng là nơi có tỷ lệ người theo tôn giáo đông nhất cả nước. Thời điểm 2022, Phật giáo ở 19 tỉnh Nam Bộ có 8,60 triệu tín đồ, 16.200 tăng ni, 5.700 cơ sở thờ tự, trong đó Phật giáo Nam tông Khmer có 1,155 triệu tín đồ, 7.200 tăng sĩ, 445 cơ sở thờ tự (5).

2. Đóng góp của Phật giáo ở Nam Bộ trong Cách mạng Tháng Tám (1945) và Kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

Cách mạng Tháng Tám (1945) diễn ra trong bối cảnh chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ vào năm 1939, đến năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, chiếm đóng Việt Nam. Người dân Việt Nam chịu một cổ ba trùng áp bức, là Pháp là Nhật triều đình phong kiến. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh, đồng bào các Nam Bộ và cả nước nổi dậy khởi nghĩa “đánh Pháp đuổi Nhật giành chính quyền về tay nhân dân”. Đó là Cách mạng Tháng Tám (1945) lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà.



(Ảnh: Internet)

Thời kỳ này phong trào khởi nghĩa ở Nam Bộ rất sôi nổi vì Nam Bộ từng là thuộc địa chịu sự áp bức bóc lột của Pháp, vì Đảng rất quan tâm đến phong trào khởi nghĩa ở Nam Bộ với sự chỉ đạo trực tiếp Xứ uỷ Nam Kỳ và Mặt trận Việt Minh. Thời kỳ này nhiều cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh Mỹ Tho, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Cần Thơ, Bạc Liêu,... đều có sự tham gia của Tăng ni, Phật tử. Riêng tại Sài Gòn, tháng 8 năm 1945, được sự chỉ đạo của Xứ uỷ Nam Kỳ và hướng dẫn

của Mặt trận Việt Minh, các Hòa thượng Thiện Tông (chùa Trường Thạnh), Hồng Từ (chùa Giác Viên), Hồng Hưng (chùa Giác Lâm),... đứng ra huy động Tăng ni, Phật tử gần 400 người về khai mạc mít tinh tại chùa Trường Thạnh, diễu hành với khẩu hiệu: “Bảo Đại phải thoái vị, Nguyễn Văn Sâm phải từ chức. Việt Nam độc lập muôn năm, hoan nghinh Mặt trận Việt Minh, chính quyền phải về tay Việt Minh” (6).

Dành được độc lập chỉ một thời gian ngắn, người dân Nam Bộ lại đối diện với cuộc tái chiếm của thực dân Pháp. Do vậy, trong chín năm kháng chiến chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng qua Xứ ủy Nam Kỳ và Mặt trận Việt Minh, Phật giáo Nam Bộ lại tích cực tham gia và có những đóng góp mới. Hai địa bàn Sài Gòn và Gia Định lại là trung tâm dấy lên phong trào chư tăng kháng chiến chống Pháp. Nhiều ngôi chùa giai đoạn này đã trở thành nơi liên lạc giữa các Tăng ni yêu nước ở các nơi khác vùng đồng bằng sông Cửu Long, như chùa Long Thạnh (huyện Bình Chánh), chùa Trường Thạnh (quận 1),... Chùa Linh Thú (Tiền Giang) là trạm liên lạc giữa xứ ủy và Tỉnh ủy Mỹ Tho.

Thời kỳ này, ở Nam Bộ tổ chức Cứu quốc của đoàn thể xã hội và tôn giáo được thành lập. Riêng với tôn giáo ở Nam Bộ có hai tổ chức Cứu quốc tiêu biểu là Phật giáo Cứu quốc và Cao Đài Cứu quốc. Thời kỳ này, nhiều Tăng ni, Phật tử hăng hái gia nhập các tổ chức cứu quốc, như: Thanh niên Tiền phong, Thiếu niên Tiền phong, Phụ lão cứu quốc, Tăng già Cứu quốc, Phật giáo Cứu quốc,... Nhiều chư tăng ở các chùa Long An, Giác Lâm, Giác Viên, Sùng Đức, Long Vân, Giác Hoàng hưởng ứng và ủng hộ và tham gia các tổ chức Cứu quốc,... Hoà thượng Thái Không, trụ trì chùa Phật học Lương Xuyên (Trà Vinh) đã âm thầm hoạt động và hô hào tăng sinh trường hăy: “Cởi áo cà sa khoác chiến bào”.

Về tổ chức Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ ở cấp miền là các chư tăng danh tiếng về đạo, về đời tham gia, trong đó có Hoà thượng Thích Minh Nguyệt. Năm 1946, Hoà thượng Thích Minh Nguyệt cùng các chư tăng ra chiến khu Đồng Tháp Mười lập Ban Chấp hành Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ, đặt Văn phòng Trung ương tại chùa Ô Môi, xã Mỹ Quý, Đồng Tháp Mười. Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ được tổ chức tại địa bàn, như: Gia Định, Chợ Lớn, Sài Gòn, Bà Rịa, Mỹ Tho, Bến Tre, Trà Vinh, Long Xuyên, Bạc Liêu, Rạch Giá,... Hội đã xuất bản báo Tinh Tấn, do Hoà thượng Thích Minh Nguyệt làm chủ nhiệm, ông Lê Văn Đông làm chủ bút.

Như vậy, trong kháng chiến chống Pháp, khi các tổ chức Phật giáo đã trở thành những lực lượng xã hội quan trọng, nhiều Tăng ni, Phật tử yêu nước tìm thấy con đường để phục vụ cho nền độc lập của Tổ quốc là tham gia kháng chiến. Riêng các chư tăng sĩ tham gia chiến đấu trong hàng ngũ kháng chiến đã có trên bốn trăm vị anh dũng hy sinh trong khoảng thời gian từ 1947 đến 1954 (7).

3. Đóng góp của Phật giáo ở Nam Bộ trong Kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)

Cuộc Kháng chiến chống Mỹ diễn ra trong bối cảnh mới những đóng góp của Phật giáo đối với cách mạng ở Nam Bộ cũng bước sang một trang sử mới. Điều cần quan tâm là cuộc Kháng chiến chống Mỹ dưới ngọn cờ của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam hình thức, mức độ và số lượng Tăng ni, Phật tử tham gia hoạt động cách mạng ngày càng tăng. Đó là ác cuộc biểu tình, tuyệt thực đã làm ngòi nổ lớn kéo theo các cuộc xuống đường của nhiều tầng lớp cư dân ở Nam Bộ, nhất là ở Sài Gòn và Gia Định. Tịnh xá Ngọc Phương trở thành cơ sở đóng góp tài lực lớn của nhiều đơn vị cách mạng.

Trước hết, cuối những năm 1950 và đầu những năm 1960 là những phản ứng của giới Phật giáo ở miền Nam, nhất là ở Nam Bộ chống lại chế độ độc tài và sự phân biệt đối xử giữa các tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm. Đặc biệt, việc tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức tại trung tâm đầu não của chính quyền Sài Gòn vì độc lập dân tộc và cho đạo pháp đã trở thành ngòi pháo mạnh mẽ bùng nổ các cuộc đấu tranh dữ dội của tuổi trẻ Sài Gòn. Sau đó sự hy sinh thân mình của Tăng ni, Phật tử chống lại chính quyền Sài Gòn, như Ni cô Thích Nữ Niệm Quang, Thượng tọa Thích Tiêu, Phật tử Quách Thị Trang, Đại đức Thích Quảng Hương, Đại đức Thích Thiện Mỹ, Phật tử Đào Yến Phi, Ni cô Thích Nữ Thanh Quang, Đại đức Thích Thiện Tuệ, nữ Phật tử Quách Thị Trang, Nhất Chi Mai,... Đây là những hình ảnh dũng cảm vì Dân tộc và Đạo pháp của giới Phật giáo nửa đầu những năm 1960. Chính những hình ảnh hy sinh của giới Phật giáo Nam Bộ đã gây tiếng vang lớn đến các nước Á Phi, đã khiến Liên Hiệp Quốc phải cử phái đoàn sang Việt Nam điều tra về tội ác của chính quyền Sài Gòn.

Phong trào đấu tranh của giới Phật giáo chống chế độ Mỹ và chính quyền Sài Gòn bước đi vào quỹ đạo của cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, tạo ra bước ngoặt đưa Tăng ni, Phật tử Nam Bộ tiếp tục phát huy truyền thống gắn bó với dân tộc, hăng hái tham gia các phong trào đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tại Sài Gòn, trung tâm đầu não của chính quyền Sài Gòn, Phật giáo đã phát triển phong trào chống chế độ Mỹ và chính quyền Sài Gòn bằng nhiều hình thức đa dạng và phong phú.

Nếu như ở giai đoạn trước rất ít những phụ nữ Phật giáo (cả tu sĩ và cư sĩ) thì trong cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu và đế quốc xâm lược Mỹ đã có sự tham gia của ni sư, nhất là ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Thời gian này, ni giới Khất sĩ do Ni trưởng Huỳnh Liên lãnh đạo đã cùng với phụ nữ, nhất là với chị em tiểu thương ở các chợ phát động phong trào phụ nữ đòi quyền sống, bảo vệ nhân phẩm phụ nữ, đòi cải thiện đời sống lao tù và thả

tù chính trị. Các ni sư đã vận động quyền góp ủng hộ thuốc men, quần áo, thực phẩm,... tổ chức đưa đến nhà tù Tân Hiệp, Chí Hòa và các nhà tù khác của Mỹ và chính quyền Sài Gòn để thăm nuôi và trao quà của đồng bào cho anh chị em tù chính trị.

Sau Hiệp định Paris (1973) bằng nhiều hình thức khác nhau nhưng đầy dũng cảm, các nữ tu sĩ đã cùng các tầng lớp nhân dân Sài Gòn xuống đường đưa yêu sách, kết hợp với báo chí, tổ chức hội thảo, mít tinh, đấu tranh đòi Mỹ rút về nước, đòi Nguyễn Văn Thiệu từ chức, đòi hòa bình thống nhất đất nước, đòi tự do báo chí, tự do tín ngưỡng... Cao trào đấu tranh này kéo dài liên tục từ 1973 đến tháng 4 năm 1975.



(Ảnh: Internet)

Tiếp cận những đóng góp của Phật giáo ở Nam Bộ trong Kháng chiến chống Mỹ không thể không đề cập Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước vùng Tây Nam Bộ của

Phật giáo Nam tông Khmer. Từ những năm 1957-1959, địch tăng cường khủng bố những gia đình có người tham gia cách mạng, truy lùng những người kháng chiến cũ, các cơ sở nuôi chứa cách mạng, bức bách đồng bào Khmer “tố cộng, diệt cộng”. Song song đó nguy quyền cũng lập ra nhiều khu trù mật để gom dân, nhằm tách đồng bào Khmer với cách mạng. Mặc dù Mỹ và chính quyền Sài Gòn cố tìm cách chia rẽ khối đoàn kết dân tộc Việt - Khmer, nhằm tách đồng bào Khmer khỏi cách mạng, chúng dùng chính sách my dân lôi kéo đồng bào Khmer chống Cộng, nhưng với chính sách dân tộc, tôn giáo bình đẳng, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, tôn trọng tự do tín ngưỡng của Đảng qua Cương lĩnh Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã trở thành chỗ dựa đáng tin cậy của sư sãi và đồng bào Phật tử Khmer. Đa số đồng bào và sư sãi Khmer một lòng hướng về cách mạng, hăng hái tham gia chống Mỹ, cứu nước cùng với người Kinh và các dân tộc anh em.

Sau khi Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra đời (1960), Khu ủy Khu Tây Nam Bộ chủ trương thành lập tổ chức yêu nước trong giới sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer trên cơ sở kế thừa tổ chức Ban Sãi vận trong kháng chiến chống Pháp. Ngày 20 tháng 3 năm 1963, Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước khu Tây Nam Bộ (lúc đầu là Hội Sư sãi Yêu nước khu Tây Nam Bộ) chính thức được thành lập do Hoà thượng Thạch Som (sau này là Phó Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam) làm Hội trưởng, Đại đức Sơn Vọng làm Chủ tịch danh dự dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ủy ban Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam và Ban Khmer vận khu Tây Nam Bộ.

Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước vùng Tây Nam Bộ có ba cấp (khu, tỉnh, huyện), là tổ chức chính trị - xã hội đặc thù trong giới sư sãi Khmer, là thành viên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng; hoạt động như tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị. Trên cơ sở xác định: *“Muốn cứu đạo phải cứu nước, không có độc lập dân tộc, không đánh thắng được đế quốc Mỹ xâm lược thì đạo pháp chân chính không thể tồn tại và phát triển được”* (8), nội dung và phương thức hoạt động của Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước là tuyên truyền, vận động sư sãi, Phật tử Khmer ủng hộ, tham gia phong trào cách mạng.

Sau khi Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước khu Tây Nam Bộ ra đời, các tỉnh, thành phố ở đồng bằng sông Cửu Long lần lượt thành lập Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước cấp tỉnh. Cụ thể: Sóc Trăng (1963), Trà Vinh (1965), Cà Mau (1966), Kiên Giang (1968),... (9). Ngay từ những ngày đầu thành lập và trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước vùng Tây Nam Bộ đã phát huy được vai trò của mình, có những đóng góp quan trọng, đã vận động, tập hợp được đông đảo đồng bào, sư sãi Khmer đoàn kết đấu tranh chống Mỹ, ủng hộ cách mạng, tham gia nhiều cuộc biểu tình, tuyệt thực để phản đối

chiến tranh, đòi hòa bình, góp phần cùng toàn dân giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nhiều cơ sở thờ tự Phật giáo Nam tông Khmer ở vùng Tây Nam Bộ đã trở thành cơ sở cách mạng, nuôi chứa bảo vệ cán bộ cách mạng, như: chùa Ô Mịch, chùa Mé Láng, chùa Căn Nom, Prokhúp (Trà Vinh); chùa Rạch Cui (Cà Mau),...

4. Những tăng ni, phật tử tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ Hòa thượng Thích Minh Nguyệt. Hoà thượng Thích Minh Nguyệt thế danh là Lý Duy Kim, sinh ngày 19 tháng 1 năm 1907 tại xã Tân An, tỉnh Thủ Dầu Một (nay là Bình Dương). Năm 1919, khi 13 tuổi, ông xuất gia tu học với Tổ Huệ Đăng chùa Thên Thai (Bà Rịa). Hoà thượng Thích Minh Nguyệt tham gia từ Cách Mạng Tháng Tám (1945) với bí danh Tam Không, sau đó được tin nhiệm giữ các chức vụ như Hội trưởng Hội Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ, Hội trưởng Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Mỹ Tho, Hội trưởng Hội Phật giáo Cứu quốc khu Sài Gòn - Gia Định, Ủy viên Mặt trận tỉnh Mỹ Tho, Ủy viên khu Sài Gòn - Gia Định và Kỳ bộ Việt Minh Nam Bộ.

Ngày 6 tháng 4 năm 1960 một cơ sở bị lộ nên Hoà thượng Thích Minh Nguyệt và nhiều cán bộ bị bắt. Hoà thượng Thích Minh Nguyệt. bị đày ra Côn Đảo với mức án 20 năm tù khổ sai. Năm 1974, Hoà thượng Thích Minh Nguyệt được trao trả theo Hiệp định Paris (1973). Ngay sau khi được tự do, Ngài liên lạc với các vị giáo phẩm lãnh đạo khác trong các tỉnh phía Nam, để chuẩn bị cho lực lượng Phật giáo tham gia nổi dậy cùng các mũi tiến công của quân Giải phóng miền Nam tại Chiến dịch Hồ Chí Minh. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, bằng khả năng và uy tín của mình, trước tình hình mới của đất nước, Hoà thượng Thích Minh Nguyệt đảm đương các chức vụ Phó chủ tịch Ủy Ban Mặt Trận TP. Hồ Chí Minh, Ủy viên đoàn chủ tịch Ủy ban Trung Ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam. Chủ tịch Ủy ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP. Hồ Chí Minh, với nhiệm vụ đoàn kết Tăng ni, Phật tử xây dựng tổ quốc trong giai đoạn mới. Năm Tân Dậu Từ năm 1981, Hoà thượng Thích Minh Nguyệt được suy cử ngôi vị Phó Pháp Chủ thường trực Hội đồng Chứng minh Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam cho đến khi viên tịch năm 1985, thọ 77 tuổi đời và 57 năm tuổi đạo (10).

Hòa thượng Hữu Nhem. Hòa thượng Hữu Nhem sinh năm 1929 ở huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Xuất gia năm 1943, tại Chùa Cao Dân, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Hòa thượng Hữu Nhem tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1947 với nhiều cống hiến trong công tác vận động quần chúng, nhất là trong đồng bào dân tộc Khmer. Năm 1947, khi tham gia cách mạng, Hòa thượng Hữu Nhem được bầu là Ủy viên Mặt trận tỉnh Rạch Giá. Năm 1962, Hòa thượng Hữu Nhem

được bầu làm Phó Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng khu Tây Nam Bộ. Năm 1963 Hoà thượng được bầu làm Phó Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới. Khi Hội đoàn Kết Sư sãi Yên nước tây Nam Bộ thành lập, Hoà thượng Hữu Nhem là Cố vấn của Hội. Ngày 20 tháng 02 năm 1964, Hoà thượng Hữu Nhem được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 10 tháng 7 năm 1966, Hòa thượng Hữu Nhem hy sinh trong khi đang làm nhiệm vụ tại chùa Tam Hiệp, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (11).

Trong suốt quá trình tu học và hoạt động cách mạng, Hòa thượng là một nhà sư chân chính, một chiến sĩ cách mạng kiên cường, biểu tượng tinh thần đoàn kết, yêu nước, dâng hiến cả đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; mãi mãi là niềm tự hào của sư sãi, đồng bào dân tộc Khmer. Để tưởng nhớ, ghi công Hòa thượng Hữu Nhem và theo nguyện vọng của đồng bào Khmer, Nhà nước xây dựng Bảo tháp Hòa thượng, theo truyền thống văn hóa Phật giáo Nam tông Khmer để lưu truyền, giáo dục các thế hệ.

Ni trưởng Huỳnh Liên. Ni trưởng Huỳnh Liên thế danh Nguyễn Thị Trừ, sinh ngày 19 tháng 3 năm 1923 tại làng Phú Mỹ, quận Châu Thành, tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang). Sau khi tốt nghiệp trung học, Nguyễn Thị Trừ theo gương mẹ là bà Lê Thị Tảo (Ni giới Phật giáo Khất sĩ) trở thành Ni giới của Phật giáo Khất sĩ. Quá trình tu học và hành đạo, Ni trưởng Huỳnh Liên đã tích cực vận động Ni giới, Phật tử cùng tham gia vào các hoạt động đấu tranh vì hòa bình, độc lập Dân tộc và sự trường tồn Đạo pháp. Trong quá trình này, tịnh xá Ngọc Phương do Ni trưởng Huỳnh Liên xây dựng trở thành trung tâm của Ni giới Hệ phái Khất sĩ, là đầu mối gắn liền với công cuộc đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn tại vùng Sài Gòn - Gia Định trước năm 1975.

Từ năm 1963 đến năm 1975, có nhiều cuộc đấu tranh đòi hòa bình thống nhất đất nước, đòi tự do ngôn luận, tự do báo chí, đòi thả tù nhân chính trị, đòi chính quyền Sài Gòn thực hiện hiệp định Paris, đòi hòa bình, hòa giải hòa hợp dân tộc của Tăng ni và Phật tử do Ni trưởng Huỳnh Liên đứng ra tổ chức, điển hình như: Lễ “Xuống tóc vì hòa bình” (ngày 18 tháng 10 năm 1970); biểu tình chống Mỹ và chính quyền tay sai (ngày 25 tháng 10 năm 1970); mít tinh ra tuyên ngôn 10 điểm về hòa bình (ngày 07 tháng 11 năm 1970); biểu tình đòi thả tù nhân chính trị (ngày 01 tháng 01 năm 1971); tổ chức họp báo với đề tài “Nhân dân đòi cơm áo, Phật giáo đòi hòa bình” và “Nông dân đòi quyền sống” (ngày 07 tháng 4 năm 1971); biểu tình đòi tự do báo chí gọi là “Độc báo nói” ngày 04 tháng 10 năm 1974; cuộc mít tinh “Ký giả ăn mày” trước Hạ nghị viện chính quyền Sài Gòn ngày 10 tháng 10 năm 1974,...

Sau ngày giải phóng miền Nam (1975), với tư cách Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc TP. Hồ Chí Minh, Ủy viên Hội Liên hiệp Phụ nữ Trung ương, Phó Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP. Hồ Chí Minh, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP. Hồ Chí Minh, Đại biểu quốc hội Khoá VI (1976-1981),... Ni trưởng Huỳnh Liên tham gia nhiều hoạt động xã hội và tham dự nhiều diễn đàn vì hoà Bình. Năm 1981 khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, Ni trưởng Huỳnh Liên giữ chức Ủy viên Kiểm soát Trung ương và Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Hòa bình thế giới của TP. Hồ Chí Minh cho đến khi qua đời ngày 16 tháng 4 năm 1987. Ni trưởng Huỳnh Liên là tâm gương bất khuất, là hiện thân của Đạo pháp và Dân tộc.

Ngoài ba vị tăng, ni tiêu biểu như đã trình bày, ở Nam Bộ những năm 1945-1975 có rất nhiều tăng ni ủng hộ, tham gia cách mạng và có những đóng góp quan trọng. Cụ thể như: Hoà thượng Thái Không, Hoà thượng Thích Huệ Quang, Hoà thượng Thích Bửu Đăng, Hoà thượng Thích Pháp Dũng, Hoà thượng Thích Thành Lệ, Hoà thượng Thích Thành Nghiêm, Hoà thượng Thích Trí Thiền, Hoà thượng Thích Thiện Chiếu, Hoà thượng Thích Bửu Ý, Hoà thượng Thích Hiểm Pháp, Hoà thượng Thích Thiện Hào, Ni trưởng Ngoạt Liên,... (12)

Trước năm 1975, ngoài những tăng ni, Phật tử ủng hộ và trực tiếp tham gia cách mạng còn có nhiều tăng ni, Phật tử đấu tranh dũng cảm tự thiêu để chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn, bảo vệ Đạo pháp và Dân tộc, nhất là cuối những năm 1950, đầu những năm 1960, như: Hoà thượng Thích Quảng Đức ngày 11 tháng 6 năm 1963, Đại đức Thích Thanh Huệ ngày 04 tháng 8 năm 1963, Ni cô Thích Nữ Niệm Quang ngày 15 tháng 8 năm 1963, Thượng tọa Thích Tiêu Diêu ngày 16 tháng 8 năm 1963, Phật tử Quán Thị Trang ngày 25 tháng 8 năm 1963, Đại đức Thích Quảng Hương ngày 05 tháng 10 năm 1963, Đại đức Thích Thiện Mỹ ngày 27 tháng 10 năm 1963, Phật tử Đào Yến Phi ngày 26 tháng 01 năm 1965, Ni cô Thích Nữ Thanh Quang ngày 26 tháng 5 năm 1966, Đại đức Thích Thiện Tuệ ngày 01 tháng 6 năm 1966, Phật tử Nhất Chi Mai ngày 16 tháng 5 năm 1967,... (13)

Với Phật giáo Nam tông Khmer là những Sư sãi tiêu biểu, như Hoà thượng Sơn Vọng - Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới, Phó Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Hoà thượng Thạch Sơn, Hội trưởng Hội đồng sư sãi yêu nước khu vực Tây Nam Bộ; Hoà thượng Lui Sa Rat, Chủ tịch Mặt trận Giải phóng tỉnh Trà Vinh,... Trong quá trình tham gia các mạng đã có nhiều Sư sãi hy sinh anh dũng, như: Đại đức Sơn Vọng, Đại đức Thạch Xom, Đại đức Sơn Thal ở chùa Prây Chóp, và các sư Dương Sóc, Kim Sum, Kim Nang,... Và, đã có nhiều ngôi chùa cổ kính như chùa Dì Chuối, Chùa Tân Hiệp (tỉnh Cà Mau); chùa Kinh Hải, chùa Sóc Diện (huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang), chùa Prây-chóp,

chùa Tà Teo, chùa Bàng Thua (huyện Vĩnh Châu, tỉnh Hậu Giang),... đã trở thành các “Chùa Mặt trận” là nơi cất giấu tài liệu, nuôi giấu cán bộ.

Riêng Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ có 92 bà mẹ Việt Nam anh hùng, 11 anh hùng lực lượng vũ trang, 2.863 liệt sĩ, 1.029 thương binh, hàng chục nghìn gia đình có công với nước, 139 chùa Phật giáo Nam tông có công với cách mạng. Riêng Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước khu Tây Nam Bộ đã được Trung ương Cục miền Nam tặng hai Huân chương Giải phóng vì đã có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (14).

Thay lời kết

Như vậy, Phật giáo ở Nam Bộ với cá nhân Tăng ni, Phật tử, với tư cách tổ chức đã tích cực tham gia Cách mạng Tháng Tám (1945) cuộc đấu tranh chống xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975). Phong trào đấu tranh của Phật giáo ở Nam Bộ chống Pháp, chống Mỹ diễn ra liên tục và mạnh mẽ, chứng minh tinh thần đấu tranh bất khuất của Tăng ni, Phật tử cùng với nhân dân Nam Bộ và nhân dân cả nước đưa cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi năm 1954, cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi năm 1975.

Với truyền thống yêu nước gắn bó với dân tộc, Phật giáo cả nước hăng hái ủng hộ và tham gia Cách mạng Tháng Tám (1945) kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945- 1975). Tuy nhiên, tìm hiểu việc Phật giáo ở Nam Bộ ủng hộ và tham gia cách mạng trước năm 1975 cần chú đến những yếu tố lịch sử và hoàn cảnh cụ thể. Đó là cư dân Nam Bộ có những tính cách riêng: hào phóng, khoan dung hoà hiệp nhưng nghĩa khí. Đó là hơn tám mươi năm Pháp trực tiếp cai trị, vơ vét, bóc lột và 21 năm Mỹ xâm lược và thống trị. Đó là phong trào chống Pháp đã nổ ra từ sớm và nhất là những phong trào khởi nghĩa, những cuộc kháng chiến, trong đó có yếu tố tôn giáo đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng và Nhà nước. Riêng với Phật giáo cần chú ý đến Phong trào Chấn hưng Phật giáo diễn ra rất sôi nổi nửa đầu thế kỷ XX hình thành nhiều tổ chức Phật giáo - yếu tố quan trọng hỗ trợ Phật giáo Nam Bộ đóng góp cho Cách mạng trước năm 1975.

Tác giả: **PGS.TS Nguyễn Thanh Xuân**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

- 1) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- 2) Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội 2006, tr.40.
- 3) Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, sđd, tr.40.
- 4) Nguyễn Thanh Xuân, *Đạo Cao Đài - Hai khía cạnh lịch sử và tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội 2013, tr.25-26.
- 5) Ban Tôn giáo Chính phủ, *Số liệu các tôn giáo ở Việt Nam - 2022*, Hà Nội 2022.
- 6) Võ Minh Phát, *Đóng góp của Phật giáo với phong trào yêu nước ở Nam bộ thời kỳ 1945-1975 qua một số nhân vật*, *Luận văn Tôn giáo học*, Hà Nội 2023.
- 7) Võ Minh Phát, *Đóng góp của Phật giáo với phong trào yêu nước ở Nam bộ thời kỳ 1945-1975 qua một số nhân vật*, *Luận văn Tôn giáo học*, Hà Nội 2023.
- 8) Ban Tôn giáo Chính phủ, *Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước khu Tây Nam Bộ*, *Tài liệu lưu trữ*, Hà Nội 1987.
- 9) Bạch Thanh Sang, *Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước vùng miền Tây Nam Bộ*, *Luận án Tiến sĩ Tôn giáo học*, Hà Nội 2020, tr. 47.
- 10) Nguyễn Túc, *Hòa thượng Thích Minh Nguyệt với sự nghiệp cách mạng*, <http://daidoanket.vn/hoa-thuong-thich-minh-nguyet-voi-su-nghiep-cach-mang-432395.html>- 19/3/2019.
- 11) Võ Minh Phát, *Đóng góp của Phật giáo với phong trào yêu nước ở Nam bộ thời kỳ 1945-1975 qua một số nhân vật*, tđd.
- 12) Xem Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận - Tập III*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội 2019. Xem Lê Tâm Đắc, Nguyễn Đại Đồng, *Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX, Nhân vật và sự kiện*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2013.
- 13) Nguyễn Thanh Xuân, *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội 2006, tr. 94-95.
- 14) Bạch Thanh Sang, *Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước vùng miền Tây Nam Bộ*, tđd, tr. 49.

Tài liệu tham khảo:

- 1] Ban Tôn giáo Chính phủ, *Số liệu các tôn giáo ở Việt Nam - 2022*, Hà Nội 2022.
- 2] Lê Cung, *Phong trào Phật giáo Miền Nam Việt Nam năm 1963*, Nxb. Thuận Hóa, Huế 2003.
- 3] Thích Giác Duyên, *Hệ phái khất sĩ - 70 năm hình thành và phát triển*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội 2014.
- 4] Lê Tâm Đắc, Nguyễn Đại Đồng, *Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX, Nhân vật và sự kiện*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2013.
- 5] Thích Thiện Hoa (1970), *50 năm (1920-1970) chấn hưng Phật giáo Việt Nam*, Sài Gòn 1970.
- 6] Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận - Tập III*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội 2019.
- 7] Trần Hồng Liên, *Đạo phật trong cộng đồng người Việt ở Nam bộ - Việt Nam (từ thế kỷ XVII đến 1975)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 2000.
- 8] Trần Văn Giàu, *Tổng tập Miền Nam giữ vững thành đồng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội 2006.
- 9] Ni giới hệ phái Khất sĩ, *Kỷ yếu Ni trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên*, Nxb TP. Hồ Chí Minh 1994.
- 10] Ni trưởng Thích Nữ Huỳnh Liên, *Đóa Sen Thiêng*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh 2012.
- 11] Võ Minh Phát, *Đóng góp của Phật giáo với phong trào yêu nước ở Nam bộ thời kỳ 1945-1975 qua một số nhân vật*, *Luận văn Tôn giáo học*, Hà Nội 2023.
- 12] Nguyễn Túc, *Hòa thượng Thích Minh Nguyệt với sự nghiệp cách mạng*, <http://daidoanket.vn/hoa-thuong-thich-minh-nguyet-voi-su-nghiep-cach-mang-432395.html> - 19/3/2019.
- 13] Bạch Thanh Sang, *Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước vùng miền Tây Nam Bộ*, *Luận án Tiến sĩ Tôn giáo học*, Hà Nội 2020.
- 14] Nguyễn Thanh Xuân, *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb tôn giáo, Hà Nội 2006.
- 15] Nguyễn Thanh Xuân, *Đạo Cao Đài - Hai khía cạnh lịch sử và tôn giáo*, Nxb tôn giáo, Hà Nội 2013.